

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HS-ST

Ngày: 17-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Vinh; Bà Đỗ Thị Huệ Anh; Ông Bùi Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 30/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Văn P, sinh năm: 1994 tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi cư trú: Số G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn M, sinh năm: 1958 và bà Huỳnh Thị S, sinh năm: 1964; vợ: Phạm Thị Hồng N, sinh năm: 2000; con: có 02 người con, lớn sinh năm: 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 10/7/2024; tạm giam ngày 13/7/2024; ngày 04/02/2025 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Thị Cẩm T- Đoàn Luật sư tỉnh V; có mặt.

- Bị hại: Phạm Thị Hồng N, sinh năm: 2000; Nơi cư trú: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); có mặt.

- Người làm chứng:

1. Trần Thị Á, sinh năm: 1942; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); có mặt.

2. Phạm Thị L, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: D, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long); có mặt.

3. Phan Tấn C, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: E, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn P và chị Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 16/6/2000, nơi cư trú: 192/1, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) có mối quan hệ vợ chồng, cùng tạm trú: Tổ I, Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Quá trình sinh sống đến khoảng cuối năm 2023, chị N phát hiện P nhắn tin ngoại tình với người phụ nữ khác nên chị N có ý định ly hôn, từ đó giữa chị N và P nhiều lần xảy ra mâu thuẫn cự cãi. Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 10/7/2024, chị N về phòng trọ tại Tổ I, Khu phố B, phường P thì gặp P, chị N nói “Mày chuẩn bị đợi điện thoại của Tòa đi” rồi bỏ vào phòng khóa cửa phía bên trong, P không mở cửa được, dùng điện thoại nhắn tin nhưng chị N vẫn không trả lời, P tức giận kêu chị N mở điện thoại để P kiểm tra nhưng chị N không đồng ý, chị N bỏ đi đến tiệm T1, địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố B (hiện nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long), phụ bán tạp hóa. P điều khiển xe mô tô biển số 71C3-527.24 đến tiệm T1 kêu chị N mở điện thoại đưa P xem nhưng chị N không đồng ý, P và chị N xảy ra cự cãi, chị N nói “Mày làm gì tao cũng không quay lại đâu”. Lúc này, P tức giận điều khiển xe mô tô đến chợ L2 mua một con dao xếp để vào túi quần rồi trở lại tiệm tạp hóa Ngọc L1, tiếp tục kêu chị N mở điện thoại, chị N vẫn không đồng ý, Phong cầm con dao xông vào tấn công chị N làm chị N té ngã nằm ngửa trên nền nhà, P cầm dao ngồi đè lên người chị N, N dùng tay chụp tay phải P đang cầm dao, P dùng tay trái cầm dao đâm nhiều nhát vào vùng cổ bên phải của chị N làm chị N bị thương, chị N vùng bỏ chạy về hướng ngã tư T, P điều khiển xe mô tô chạy theo đến tiệm S1, chị N chạy vào cửa hàng S2 thì té ngã, P xuống xe chạy đến cầm dao bằng tay phải đâm và cắt nhiều nhát vào vùng cổ trái của chị N làm chị N bị thương nặng và ngắt xi. Thấy vậy, P đến Công an phường P đầu thú. Chị N được người nhà đưa đến bệnh viện N1 cấp cứu.

Khám nghiệm hiện trường: Tại cửa hàng T2 ghi nhận 02 vết máu kích thước (40x20)cm và (10x09)cm vị trí kệ kim loại và nền xi măng, thu mẫu máu ký hiệu A2; Tại tiệm S1 ghi nhận vết máu kích thước (130x105)cm tại vị trí nền gạch cửa ra vào, thu mẫu máu ký hiệu A3.

Vật chứng thu giữ: Một con dao cán xếp, 02 lưỡi, cán màu vàng dài 10,5cm, 01 lưỡi bằng kim loại có đầu nhọn màu trắng dài 06cm, 01 lưỡi bằng kim loại có hai đầu nhọn màu trắng dài 4,5cm, trên dao có dính chất màu nâu nghi máu; 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc ca-ro đen trắng, tay áo bên phải, bên trái có dính vết

màu nâu đỏ nghi máu; 01 (một) quần ngắn màu đen có chữ Yonex màu trắng bên ống quần phải; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu MXKING màu vàng đen, biển kiểm soát 71C3-527.24; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 (một) đoạn camera trích xuất tại cửa hàng T2.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 000818/2024/CN ngày 13/8/2024 của Bệnh viện N1 - Bến Tre ghi nhận, Phạm Thị Hồng N nhập viện lúc 13 giờ 35 phút ngày 10/7/2024, tình trạng thương tích lúc vào viện như sau: Bệnh tình, đau cổ; Vùng cổ trước bên có một vết thương kích thước 4x2cm, sâu khoảng 4cm, có nhiều máu đông, thám sát đứt động mạch nông dưới da, đứt cơ vai móng và giáp móng; Vùng cổ bên có một vết thương kích thước 5x1cm, sâu khoảng 3cm, thám sát vết thương có nhiều máu đông đứt 01 bó cơ của cơ ức đòn chũm; Vùng cổ sau bên trái có một vết thương kích thước 3x1cm, sâu 1cm; Vùng vai trên trái có một vết thương kích thước 2x1cm, sâu 1cm; Vùng cổ sau bên phải có hai vết thương: 01 vết thương gần phía sau tai kích thước 1,5x1cm, sâu 1cm; 01 vết thương kích thước 2x1cm, sâu 1cm; Vùng vai phải có hai vết thương lần lượt: 01 vết thương 4x1cm, sâu 1cm; 01 vết thương kích thước 1x1cm, sâu 1cm; Yếu cơ cánh + căng tay phải kèm tê, sức cơ tay phải 3/5; Bàn tay cầm nắm tốt. MRI cột sống cổ: không ghi nhận tổn thương.

Tại Kết luận số 288/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 05/9/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận: Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Thị Hồng N tại thời điểm giám định là 63% áp dụng phương pháp cộng tại thông tư. Cơ chế hình thành thương tích: Sẹo mặt lòng ngón 1 bàn chân trái, sẹo mặt lòng ngón 1 bàn chân phải: do vật tày gây ra; Các vết thương còn lại: do vật sắc nhọn gây ra; Với thương tích như trên nếu không cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến tử vong.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu Trung tâm P giải thích do không thể xác định chính xác vị trí vết thương nào có thể gây tử vong: Nhiều vết thương vùng cổ gây chảy máu dẫn đến sốc mất máu, nếu không cấp cứu kịp thời có khả năng dẫn đến tử vong. Không có căn cứ xác định chính xác vết thương nào.

Tại Bản kết luận giám định số 7473/KL-KTHS ngày 24/01/2025 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C1 kết luận: Trên con dao ký hiệu A1 có dính máu người. Phân tích kiểu gen (ADN) từ dấu vết máu này được kiểu gen trùng với gen của Phạm Thị Hồng N. Phân tích gen từ các mẫu ghi máu ký hiệu A2 và A3 được kiểu gen trùng với kiểu gen của Phạm Thị Hồng N.

Tại Bản cáo trạng số: 11/CT-VKS-P1 ngày 06/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố Lê Văn P về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo, bị hại, người làm chứng khai nhận hành vi của bị cáo phù hợp nội dung bản Cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: xuất phát từ mâu thuẫn không đáng kể nhưng bị cáo Lê Văn P đã dùng dao đâm nhiều nhất vào vùng cổ chị Phạm Thị Hồng N làm chị N bị thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 63%, chị N không tử vong là do được cấp cứu kịp thời. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn P phạm tội “Giết người”. Bị cáo đã bồi thường cho chị N số tiền 69.000.000 đồng; bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có con nhỏ; gia đình bị cáo là gia đình có công với đất nước; bị cáo phạm tội chưa đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 7 (bảy) năm tù đến 8 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù. Về xử lý vật chứng: tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu MXKING màu vàng đen, biển kiểm soát 71C3-527.24; trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; tịch thu tiêu hủy tất cả đồ vật đã thu giữ còn lại do không còn giá trị sử dụng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh “Giết người” mà cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên đã xác định. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đến cơ quan có thẩm quyền đầu thú, khai báo thành khẩn, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có con nhỏ, gia đình bị cáo có công với đất nước, bị cáo phạm tội chưa đạt. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự; để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Ý kiến của bị hại: Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 69.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu nào khác.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình, nuôi cha mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về

thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày của bị cáo Lê Văn P phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với các kết luận giám định, vật chứng được thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Lê Văn P và chị Phạm Thị Hồng N là vợ chồng, giữa P và chị N không có mâu thuẫn gì lớn nhưng chỉ vì ghen tuông vô cớ, vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/7/2024, tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long), P đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm nhiều nhát vào vùng cổ là vùng hiểm yếu trên cơ thể của bị hại N, gây ra vết thương vùng cổ trước bên, thâm sát đứt động mạch nông dưới da, đứt cơ vai móng và giáp móng; vết thương vùng cổ bên, thâm sát đứt 01 bó cơ của cơ ức đòn chũm; vết thương vùng cổ sau bên trái, vùng vai trên trái, vùng cổ sau bên phải, vùng vai phải; gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể 63%, nếu không cấp cứu kịp thời có khả năng dẫn đến tử vong. Vì vậy, cáo trạng đã truy tố bị cáo Lê Văn P phạm tội “Giết người” với tiết định khung tăng nặng “có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo là người thành niên có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, chỉ vì nguyên do nhỏ nhặt do ghen tuông vô cớ, đã dùng dao đâm nhiều nhát vào vùng cổ của bị hại gây thương tích rất nặng nếu không cấp cứu kịp thời sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong nhân dân nên cần trừng trị nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan có thẩm quyền đầu thú, thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, đã bồi thường xong thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có con nhỏ; gia đình của bị cáo là gia đình chính sách có công với đất nước, bà nội, ông ngoại và cậu ruột của bị cáo được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến, cha của bị cáo được tặng thưởng Bằng khen. Đồng thời, hậu quả chết người chưa xảy ra, bị hại chỉ bị tổn thương cơ thể do thương tích là 63%. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên áp dụng Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, song khi

thực hiện hành vi phạm tội thể hiện rõ bản tính hung hăng côn đồ, xem thường tính mạng của người khác, tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng nên cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên về tội danh, điều khoản áp dụng, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng mức hình phạt từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù là chưa tương xứng với hành vi và hậu quả của tội phạm nên không được chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo về tội danh, định khung hình phạt, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, việc đề nghị mức án thấp nhất của Kiểm sát viên đề nghị là chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm nên không được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị số tiền 69.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường và đã thực hiện xong. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản nào khác nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ tang vật, đồ vật và tài sản có liên quan đến vụ án bao gồm: 01 (một) con dao cán xếp, 02 lưỡi, cán màu vàng dài 10,5cm, 01 lưỡi bằng kim loại có đầu nhọn màu trắng dài 06cm, 01 lưỡi bằng kim loại có hai đầu nhọn màu trắng dài 4,5cm, trên dao có dính chất màu nâu nghi máu; 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc ca-ro đen trắng, tay áo bên phải, bên trái có dính vết màu nâu đỏ nghi máu; 01 (một) quần ngắn màu đen có chữ Yonex màu trắng bên ống quần phải do Lê Văn P giao nộp. Thấy rằng, đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm và tài sản có liên quan khác hiện không còn giá trị sử dụng, chủ sở hữu không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu MXKING màu vàng đen, biển kiểm soát 71C3-527.24 là phương tiện bị cáo sử dụng đi mua con dao gây án nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung là tài sản của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Lê Văn P phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội “Giết người”.

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn P 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2024 đến ngày 04/02/2025; thời hạn tù còn lại buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) năm 5 (năm) tháng tù.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu MXKING màu vàng đen, số máy: G3E6E0646277, số khung: MH3UG0750MK105990, biển kiểm soát 71C3-527.24. Tình trạng xe ngưng hoạt động, không xác định được chất lượng bên trong xe.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao cán xẹp, 02 lưỡi, cán màu vàng dài 10,5cm, 01 lưỡi bằng kim loại có đầu nhọn màu trắng dài 06cm, 01 lưỡi bằng kim loại có hai đầu nhọn màu trắng dài 4,5cm, trên dao có dính chất màu nâu nghi máu (được niêm phong); 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc ca-ro đen trắng, tay áo bên phải, bên trái có dính vết màu nâu đỏ nghi máu; 01 (một) quần ngắn màu đen có chữ Yonex màu trắng bên ống quần phải.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (được niêm phong).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh V với Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, hiện Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long đang quản lý).

3. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo Lê Văn P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm VKS nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1b);
- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKS nhân dân tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Vĩnh Long(1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long(1b);
- UBND xã Thạnh Hải, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Người bào chữa cho bị cáo (1b);
- Trại tạm giam số 02 CA tỉnh Vĩnh Long (01b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quang Sơn

